

**SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3297/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2024

V/v mời báo giá, tham gia
thẩm định giá tài sản thanh lý cho
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 quy định chi tiết một số điều về giá, thẩm định giá.

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy chế về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc quản lý của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-BVT ngày 25/6/2024 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt thanh lý tài sản công hết hạn sử dụng theo sổ kế toán của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản thẩm định giá:

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

- Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 0916.660.189

- Mã số thuế: 5700391598

2. Danh mục tài sản thẩm định giá:

Lô tài sản hết khấu hao sử dụng theo sổ kế toán của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Phụ lục chi tiết kèm theo).

3. Mục đích thẩm định giá:

Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản thanh lý (hết khấu hao sử dụng theo sổ kế toán của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh).

4. Thời điểm thẩm định giá: Quý IV năm 2024.

5. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ thẩm định giá:

- Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải thuộc danh sách công khai doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông báo số 1353/TB-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính về việc công bố Danh sách thẩm định giá viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản năm 2024 tại các doanh nghiệp thẩm định giá được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

- Phí dịch vụ, thời gian thẩm định phù hợp và cạnh tranh nhất. Giá dịch vụ thẩm định giá bằng hình thức, mức giá dịch vụ trọn gói (đã bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá tài sản đảm bảo).



6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia:

- Thời gian nộp hồ sơ: Tổ chức thẩm định giá có đủ chức năng, năng lực kinh nghiệm thẩm định giá; trực tiếp báo giá dịch vụ thẩm định giá hoặc qua đường bưu điện từ ngày 15/11/2024 đến trước 16h30 ngày 20/11/2024 về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (trong giờ làm việc theo quy định).

+ Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Truyền thông – Hành chính quản trị Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh; Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, Phường Bạch Đằng, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

- Ông Vũ Mạnh Thông, SĐT: 0978.375.642, Phó Trưởng phòng VT – TBYT.

- Bà Nguyễn Thanh Hương, SĐT: 0916.660.189, Viên chức phòng TT-HCQT.

- Hồ sơ bao gồm: bản báo giá thẩm định giá và Hồ sơ năng lực của đơn vị thẩm định giá.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh thông báo để các đơn vị biết, đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT-HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, TT-HCQT, VT-TBYT, CN-TT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt





DANH MỤC TÀI SẢN THANH LÝ

STT	Tên thiết bị	DỰA	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Máy móc, thiết bị chuyên dùng		45							13,362,817,674	13,362,817,674	-
1	Bơm tiêm điện Terumo TE 311	Cải	1	Nhật Bản	2002	2002	Terumo	TE 311	0104024	15,161,075	15,161,075	-
2	Hệ thống chuyển đổi XQ kĩ thuật số trong hệ thống sơ mặt toàn cảnh	Hệ thống	1	Mỹ	2009	2009	Suni-Medical Imaging INC	Sensor DR, Suni		136,000,000	136,000,000	-
3	Máy siêu âm màu 4D, 3 đầu dò Voluson 730 Pro	Bộ	1	Áo	2009	2009	GE	Voluson 730 Pro		1,789,000,000	1,789,000,000	-
4	Monitor TDBN Mindray Mec 1000	Cải	1	Trung Quốc	2009	2009	Mindray	MEC-1000	AQ-8C119127	78,500,000	78,500,000	-
5	Máy truyền dịch Terumo TE 112	Cải	1	Nhật Bản	2009	2009	Terumo	TE 112	08100201	29,925,000	29,925,000	-
6	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cải	1	Nhật Bản	2009	2009	Terumo	TE 331	08100222	18,900,000	18,900,000	-
7	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cải	1	Nhật Bản	2009	2009	Terumo	TE 331	08100214	18,900,000	18,900,000	-
8	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cải	1	Nhật Bản	2009	2009	Terumo	TE 331, seri: 01040206		18,900,000	18,900,000	-
9	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cải	1	Nhật Bản	2009	2009	Terumo	TE 331	08030695	18,900,000	18,900,000	-
10	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cải	1	Nhật Bản	2009	2009	Terumo	TE 331	07070168	18,900,000	18,900,000	-
11	Máy hút dịch khí màng phổi áp lực thấp Hersill	Cải	1	Tây Ban Nha	2012	2012	Meden-Spain by Hersill			11,850,000	11,850,000	-
12	Máy hút dịch khí màng phổi áp lực thấp Hersill	Cải	1	Tây Ban Nha	2012	2012	Meden-Spain by Hersill			11,850,000	11,850,000	-
13	Máy (Xe) hút dịch khí lực thấp liên tục Hersill	Cải	1	Tây Ban Nha	2013	2013	Hersill			15,850,000	15,850,000	-
14	Máy (Xe) hút dịch khí lực thấp liên tục Hersill	Cải	1	Tây Ban Nha	2013	2013	Hersill	Spain-by Hersill		15,850,000	15,850,000	-
15	Lồng ấp sơ sinh Bistos BT 500	Cải	1	Hàn Quốc	2016	2016	Bistos	BT-500	EAFD40015	99,800,000	99,800,000	-
16	Dàn máy Eliza bán tự động	Hệ thống	1	Pháp	2000	2000	Eliza		990822781	98,458,925	98,458,925	-
17	Máy chụp XQ tăng sáng Shimadzu 2 bàn 2 bóng	Hệ thống	1	Nhật Bản	1997	1997	Shimadzu	R-20	0166M00516	224,328,572	224,328,572	-
18	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cải	1	Nhật Bản	2012	2012	Terumo	TE 331		25,757,000	25,757,000	-
19	Khoan điện Hitachi FDI10VA	Cải	1	Trung Quốc	2015	2015	Hitachi	FDI10VA		28,000,000	28,000,000	-

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
20	Khoan điện Hitachi FD10VA	Cái	1	Trung Quốc	2015	2015	Hitachi			28,000,000	28,000,000	-
21	Ghế răng Fedesa Coral	Cái	1	Tây Ban Nha	2006	2006		Coral		337,806,397	337,806,397	-
22	Máy chụp XQ răng Villa Endos	Hệ thống	1	Italia	2006	2006		Seri: 27050521	27050521	46,343,115	46,343,115	-
23	Bom tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2010	2010	Terumo	TE 331	00070018	20,950,000	20,950,000	-
24	Máy thở Cpap Smartairplus	Cái	1	Mỹ	2010	2010	Cpap	Smartairplus		169,575,000	169,575,000	-
25	Máy truyền dịch Terumo TE 112	Cái	1	Nhật Bản	2010	2010	Terumo	TE 112	1004000261	22,980,000	22,980,000	-
26	Máy truyền dịch Terumo TE 112	Cái	1	Nhật Bản	2010	2010	Terumo	TE 112	1004000247	22,980,000	22,980,000	-
27	Bom tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2013	2013	Terumo	TE 331	1212000410	23,143,125	23,143,125	-
28	Máy thở Bennett 760	Cái	1	Mỹ	2014	2014	Bennet	760	3501051300	198,000,000	198,000,000	-
29	Máy thở Bennett 760	Cái	1	Mỹ	2014	2014	Bennet	760	3501071114	198,000,000	198,000,000	-
30	Máy thở Bennett 840	Cái	1	Mỹ	2014	2014	Bennet	840	3510075017	300,000,000	300,000,000	-
31	Máy thở Vela AHT 16532	Cái	1	Mỹ	2014	2014	Vela	AHT 16532	AHT-05047	190,000,000	190,000,000	-
32	Máy thở Vela AHT 16532	Cái	1	Mỹ	2014	2014	Vela	AHT 16532	AHT08794	190,000,000	190,000,000	-
33	Máy điện tìm 3 cần Fukuda FX-7102	Cái	1	Nhật Bản	2013	2013	Fukuda	FX-7102		35,890,000	35,890,000	-
34	Máy điện tìm 12 kênh	Cái	1	Nhật Bản	2013	2013	Nihon Kohden		8365	164,900,000	164,900,000	-
35	Máy chụp XQ chụp mạch xoà nền 2 màn hình Philips	Máy	1	Hà Lan	2006	2006	Philips			1,613,778,465	1,613,778,465	-
36	Máy đo loãng xương Medix 90	Máy	1	Pháp	2008	2008	MediLink	Medix90	F08-015M103	1,159,000,000	1,159,000,000	-
37	Kính hiển vi Olympus CX41RF	Cái	1	Nhật Bản	2007	2007			7A12643	40,500,000	40,500,000	-
38	Hệ thống chụp XQ toàn cảnh sọ mặt Auto III NCMT	Hệ thống	1	Nhật Bản	2009	2009	Asah Roentgen		22223001	611,500,000	611,500,000	-
39	Máy điện tìm 3 cần Fukuda FX-7102	Cái	1	Nhật Bản	2013	2013	Fukuda	FX-7102		35,890,000	35,890,000	-
40	Máy điện tìm 3 cần Fukuda FX-7102	Cái	1	Nhật Bản	2013	2013	Fukuda	FX-7102		35,890,000	35,890,000	-
41	Lò đốt rã thải y tế	Cái	1	Áo	2014	2014				250,000,000	250,000,000	-
42	Hệ thống xử lí chất thải rắn y tế	Hệ thống	1	Liên doanh	2013	2013				4,897,309,000	4,897,309,000	-
43	Máy tháo lồng ruột CF-1	Cái	1	Trung Quốc	2014	2014				24,500,000	24,500,000	-
44	Giường HSCC điều khiển bằng tay Sigma-Care B-330A	Cái	1	Dài Loan	2010	2010				35,526,000	35,526,000	-

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hàng sản xuất	Model	Serial	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
45	Giường HSCC điều khiển bằng tay Sigma-Care B-330A	Cái	1	Đài Loan	2010	2010				35,526,000	35,526,000	
II	Máy móc thiết bị văn phòng		43							1,007,367,510	1,007,367,510	-
1	Máy tính xách tay Sony	Cái	1	Việt Nam	2013	2013		Sony		12,000,000	12,000,000	-
2	Máy tính xách tay HP DV 6000	Cái	1	Trung Quốc	2007	2007				44,800,000	44,800,000	-
3	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
4	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
5	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
6	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
7	Dàn vi tính Core i5	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,666,500	12,666,500	-
8	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
9	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
10	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,881,000	12,881,000	-
11	Dàn vi tính Core i5, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				15,229,500	15,229,500	-
12	Dàn vi tính Core i3, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013				12,020,000	12,020,000	-
13	Máy chiếu Projector Panasonic DX 800ES	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013		Panasonic		294,546,000	294,546,000	
14	Máy chiếu dương bản Epson ELPC11	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013		Epson		49,091,000	49,091,000	
15	Điều hòa LG 18.000 BTU	Bộ	1	Việt Nam	2003	2003		LG		11,600,000	11,600,000	
16	Điều hòa LG 18.000 BTU	Bộ	1	Việt Nam	2006	2006		LG		12,300,000	12,300,000	
17	Điều hòa LG 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Liên doanh	2011	2011		LG		15,550,000	15,550,000	
18	Điều hòa LG 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2011	2011		LG		14,800,000	14,800,000	
19	Điều hòa LG 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Liên doanh	2011	2011		LG		18,350,000	18,350,000	
20	Điều hòa Panasonic 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013		Panasonic		28,300,000	28,300,000	

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
21	Điều hòa Panasonic 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013	Panasonic			28.300,000	28.300,000	
22	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			11,676,800	11,676,800	
23	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			11,676,700	11,676,700	
24	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			11,676,700	11,676,700	
25	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			16,684,000	16,684,000	
26	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			12,655,000	12,655,000	
27	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013	Sumikura			16,811,000	16,811,000	
28	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			12,416,000	12,416,000	
29	Điều hòa Sumikura 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			21,727,000	21,727,000	
30	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			16,684,000	16,684,000	
31	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			11,728,000	11,728,000	
32	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013	Sumikura			16,092,000	16,092,000	
33	Điều hòa Nagakawa 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Việt Nam	2014	2014	Nagakawa			16,608,000	16,608,000	
34	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013	Sumikura			11,689,600	11,689,600	
35	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013	Sumikura			11,689,600	11,689,600	
36	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013	2013	Sumikura			11,689,600	11,689,600	
37	Điều hòa Sumikura 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			21,955,000	21,955,000	
38	Điều hòa Sumikura 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014	2014	Sumikura			21,955,000	21,955,000	
39	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015	2015	Mitsubishi			26,283,510	26,283,510	
40	Ti vi Samsung 42 inch	Cái	1	Liên doanh	2011	2011	Samsung			12,000,000	12,000,000	
41	Ti vi Samsung 42 inch	Cái	1	Liên doanh	2011	2011	Samsung			12,000,000	12,000,000	
42	Ti vi Samsung 58 inch	Cái	1	Việt Nam	2014	2014	Samsung			28,050,000	28,050,000	

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
43	Ti vi Sony 42 inch 42W674A	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Sony			13,900,000	13,900,000	
	Tổng		88							14,370,185,184	14,370,185,184	-

DANH MỤC CÔNG CỤ DỤNG CỤ THANH LÝ

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hàng sản xuất	Tính trạng TTĐ	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Máy móc, thiết bị chuyên dùng		3						24,820,000	24,820,000	-
1	Đèn Clar đội đầu cao cấp KD-201A-1	Cái	1	Trung Quốc	2011	2011		Hồng nguồn sạc, hồng bóng	7,960,000	7,960,000	-
2	Đèn Clar đội đầu cao cấp KD-201A-1	Cái	1	Trung Quốc	2011	2011		Hồng nguồn sạc, hồng bóng	7,960,000	7,960,000	-
3	Đèn Clar đội đầu cao cấp KD-202A-3	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Yanan	Hồng nguồn sạc, hồng bóng	8,900,000	8,900,000	-
11	Máy móc, thiết bị văn phòng		280						821,309,000	812,859,000	8,450,000
1	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
2	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
3	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
4	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
5	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
6	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
7	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
8	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
9	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
10	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
11	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
12	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
13	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
14	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
15	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
16	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
17	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
18	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
19	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Tình trạng TTB	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
20	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
21	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
22	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
23	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
24	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,380,000	8,380,000	-
25	Dàn vi tính Core i3, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	9,100,000	9,100,000	-
26	Dàn vi tính Core i3, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	9,100,000	9,100,000	-
27	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
28	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	8,371,000	8,371,000	-
29	Máy tính xách tay Lenovo ThinkPad T420 (17 - 2620M)	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	9,818,000	9,818,000	-
30	Dầu đọc mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2010	2010		Hồng main, màn hình, bộ nhớ	6,750,000	6,750,000	-
31	Dầu đọc mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
32	Dầu đọc mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
33	Máy in Epson LQ 300	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,060,000	5,060,000	-
34	Máy in Epson LQ 300	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,060,000	5,060,000	-
35	Máy in Epson LQ 300	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,060,000	5,060,000	-
36	Máy in Epson LQ 300	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,060,000	5,060,000	-
37	Máy in Epson LQ 300	Cái	1	Trung Quốc	2012	2012	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,060,000	5,060,000	-
38	Máy in Epson LQ 300+II	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,005,000	5,005,000	-
39	Máy in Epson LQ 300+II	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,005,000	5,005,000	-
40	Máy in Epson LQ 300+II	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,005,000	5,005,000	-
41	Máy in Epson LQ 300+II	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,005,000	5,005,000	-
42	Máy in Epson LQ 300+II	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,005,000	5,005,000	-
43	Máy in Epson LQ 300+II	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Epson	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	5,005,000	5,005,000	-

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong số TS	Hãng sản xuất	Tình trạng TTB	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
44	Dầu đục mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
45	Dầu đục mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
46	Dầu đục mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
47	Dầu đục mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
48	Dầu đục mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
49	Dầu đục mã vạch Honeywell MS3780	Cái	1	Trung Quốc	2013	2013	Honeywell	Hồng main, màn hình, bộ nhớ	7,700,000	7,700,000	-
50	Xe cang đẩy bệnh nhân inox	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	9,500,000	9,500,000	-
51	Xe cang đẩy bệnh nhân inox	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	9,500,000	9,500,000	-
52	Xe cang đẩy bệnh nhân inox	Cái	1	Việt Nam	2014	2014	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	7,850,000	7,850,000	-
53	Xe cang đẩy bệnh nhân inox có đầu nâng	Cái	1	Việt Nam	2016	2016	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	6,980,000	5,933,000	1,047,000
54	Xe cang đẩy bệnh nhân inox có đầu nâng	Cái	1	Việt Nam	2016	2016	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	6,980,000	5,933,000	1,047,000
55	Xe cang đẩy bệnh nhân inox có đầu nâng	Cái	1	Việt Nam	2016	2016	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	6,980,000	5,933,000	1,047,000
56	Xe cang đẩy bệnh nhân inox có đầu nâng	Cái	1	Việt Nam	2016	2016	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	9,800,000	8,330,000	1,470,000
57	Xe cang đẩy bệnh nhân inox 1900*600*700	Cái	1	Việt Nam	2017	2017	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	6,980,000	5,060,500	1,919,500
58	Xe cang đẩy bệnh nhân inox 1900*600*700	Cái	1	Việt Nam	2017	2017	Hồng không sử dụng được	Hồng không sử dụng được	6,980,000	5,060,500	1,919,500
59	Ti vi LG 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	LG	Cháy màn hình, hồng bo mạch	6,666,600	6,666,600	-
60	Ti vi LG 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	LG	Cháy màn hình, hồng bo mạch	6,666,700	6,666,700	-
61	Ti vi LG 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	LG	Cháy màn hình, hồng bo mạch	6,666,700	6,666,700	-
62	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hồng bo mạch	7,800,000	7,800,000	-
63	Ti vi Samsung 32 inch 32EH4003	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Sam sung	Cháy màn hình, hồng bo mạch	5,800,000	5,800,000	-
64	Ti vi Toshiba 32 inch 32P1300	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Toshiba	Cháy màn hình, hồng bo mạch	6,330,000	6,330,000	-
65	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hồng bo mạch	5,572,000	5,572,000	-
66	Ti vi Toshiba 32 inch 32P1300	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Toshiba	Cháy màn hình, hồng bo mạch	6,330,000	6,330,000	-
67	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hồng bo mạch	5,572,000	5,572,000	-
68	Ti vi Sony LED 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2014	2014	Sony	Cháy màn hình, hồng bo mạch	9,890,000	9,890,000	-
69	Ti vi Samsung 32 inch 32EH4003	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Sam sung	Cháy màn hình, hồng bo mạch	5,800,000	5,800,000	-
70	Ti vi Samsung 32 inch 32EH4003	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Sam sung	Cháy màn hình, hồng bo mạch	5,800,000	5,800,000	-

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Tình trạng TTB	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
71	Ti vi Samsung 32 inch 32EH4003	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	5,800,000	5,800,000	
72	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	5,572,000	5,572,000	
73	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	5,572,000	5,572,000	
74	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	5,572,000	5,572,000	
75	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	7,800,000	7,800,000	
76	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	7,800,000	7,800,000	
77	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Liên doanh	2012	2012	Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	7,800,000	7,800,000	
78	Ti vi Sony 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2013	2013	Sony	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	7,990,000	7,990,000	
79	Ti vi LED Asanzo 32S610	Cái	1	Việt Nam	2017	2017	Asanzo	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	5,786,000	5,786,000	
80	Ti vi TCL 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2015	2015	TCL	Cháy màn hình, hỏng bo mạch	6,270,000	6,270,000	
81	Ti vi TCL LED 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2014	2014		Cháy màn hình, hỏng bo mạch	5,950,000	5,950,000	
82	Ghế bệnh nhân ngồi chờ inox	Cái	1	Việt Nam	2014	2014		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	8,400,000	8,400,000	
83	Ghế bệnh nhân ngồi chờ inox	Cái	1	Việt Nam	2014	2014		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	8,400,000	8,400,000	
84	Ghế bệnh nhân ngồi chờ inox	Cái	1	Việt Nam	2014	2014		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	8,400,000	8,400,000	
85	Ghế bệnh nhân ngồi chờ inox	Cái	1	Việt Nam	2014	2014		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	8,400,000	8,400,000	
86	Ghế ngồi chờ bệnh nhân	Cái	3					Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ			
87	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	23					Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ			
88	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
89	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
90	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
91	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
92	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
93	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
94	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
95	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
96	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
97	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
98	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
99	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong số TS	Hãng sản xuất	Tình trạng TTB	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
100	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
101	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
102	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
103	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
104	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
105	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
106	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
107	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
108	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
109	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
110	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
111	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
112	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
113	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
114	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
115	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam	2005	2005		Thiết bị hư hỏng, gãy vỡ	7,000,000	7,000,000	
116	Bình nước nóng	Cái	25				Olympic	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
117	Bình nước nóng	Cái	72				Picenza	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
118	Bình nước nóng	Cái	8				Ariston	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
119	Bình nước nóng	Cái	7				Polar	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
120	Bình nước nóng	Cái	5				Rossi	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
121	Bình nước nóng	Cái	1				Lametal	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
122	Bình nước nóng	Cái	1				Funiki	Bình bị nứt vỡ, rò rỉ, hư hỏng, không hoạt động			
123	Cây nước nóng	Cái	5				Kangaroo	Hư hỏng, không hoạt động			
124	Cây nước nóng	Cái	2				Nagakawa	Hư hỏng, không hoạt động			
125	Tủ lạnh Sharp 120 lít	Cái	1				Sharp	Hư hỏng, không hoạt động			

STT	Tên thiết bị	DVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Tình trạng TTB	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
126	Tủ lạnh Sanyo 90 lít	Cái	2				Sanyo	Hư hỏng, không hoạt động			
127	Tủ lạnh Funiki 90 lít	Cái	4				Funiki	Hư hỏng, không hoạt động			
128	Tủ lạnh Daewoo	Cái	1				Daewoo	Hư hỏng, không hoạt động			
129	Tủ lạnh Sanaky	Cái	1				Sanaky	Hư hỏng, không hoạt động			
130	Tivi Samsung 21 inch	Cái	3				Sam sung	Cháy màn hình, hỏng bo mạch			
131	Tivi Sony 21 inch	Cái	1				Sony	Cháy màn hình, hỏng bo mạch			
132	Tivi LG 21 inch	Cái	1				LG	Cháy màn hình, hỏng bo mạch			
133	Tivi Philips 32 inch	Cái	1				Philips	Cháy màn hình, hỏng bo mạch			
	Tổng		283						846,129,000	837,679,000	8,450,000